DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 1 LẦN 2 - NĂM 2023

TT	Đơn vị	QĐ	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành
1	DA	1150	27/03/2023	B1603908	Huỳnh Thành Nam	19/03/1998		DA1666A2	Công nghệ sinh học
2	DA	1150	27/03/2023	B1800292	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	13/10/2000	N	NN1808A3	Công nghệ thực phẩm
3	DA	1150	27/03/2023	B1800386	Nguyễn Thị Anh Thư	15/09/2000	N	NN1808A3	Công nghệ thực phẩm
4	DA	1150	27/03/2023	B1800441	Huỳnh Danh	09/06/1998		NN1808A2	Công nghệ thực phẩm
5	DA	1150	27/03/2023	B1800604	Nguyễn Lê Thanh Cao	05/05/2000		NN1808F1	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)
6	DA	1150	27/03/2023	B1800608	Đoàn Ngọc Thạch Kỳ	09/03/2000	N	NN1808F1	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)
7	DA	1150	27/03/2023	B1803963	Phạm Tấn Phúc	24/02/2000		DA1866A2	Công nghệ sinh học
8	DA	1150	27/03/2023	B1805603	Trần Võ Minh Thư	06/05/2000	N	DA1866T1	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)
9	DA	1150	27/03/2023	B1808096	Nguyễn Quế Anh	30/05/2000	N	NN1808F1	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)
10	DA	1150	27/03/2023	B1811451	Nguyễn Lê Thanh Bạch	05/05/2000		NN1808F1	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)
11	DA	1150	27/03/2023	B1812534	Phạm Duy Sang	26/11/2000		NN1808F1	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)
12	DA	1150	27/03/2023	B1812535	Nguyễn Minh Thịnh	01/03/2000		NN1808F1	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)
13	DA	1150	27/03/2023	B1904231	Nguyễn Văn Hà	07/03/2001		DA1966A1	Công nghệ sinh học
14	DA	1150	27/03/2023	B1904317	Dương Mỹ Nhi	10/05/2001	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học
15	DA	1150	27/03/2023	B1904476	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	17/11/2001	N	DA1966A2	Công nghệ sinh học
16	DA	1150	27/03/2023	B1904505	Nguyễn Anh Khoa	11/06/2001		DA1966A2	Công nghệ sinh học
17	DA	1150	27/03/2023	B1904553	Lý Trọng Nguyên	08/04/2001		DA1966A4	Công nghệ sinh học
18	DI	1151	27/03/2023	B1704796	Nguyễn Thị Hoàng Diễm	16/03/1999	N	DI1796A2	Kỹ thuật phần mềm
19	DI	1151	27/03/2023	B1704850	Lê Quang Thắng	16/01/1999		DI1796A2	Kỹ thuật phần mềm
20	DI	1151	27/03/2023	B1706478	Lê Hoàng Kha	09/04/1998		DI17V7A1	Công nghệ thông tin
21	DI	1151	27/03/2023	B1706479	Nguyễn Nhựt Kha	24/10/1999		DI17V7A5	Công nghệ thông tin
22	DI	1151	27/03/2023	B1706724	Châu Nhựt Minh	15/07/1999		DI17Y1A1	Công nghệ thông tin
23	DI	1151	27/03/2023	B1709380	Nguyễn Khoa Văn	07/01/1999		DI17Y9A2	Truyền thông và mạng máy tính
24	DI	1151	27/03/2023	B1709533	Phan Điền Hào	10/04/1999		DI17Z6A1	Khoa học máy tính
25	DI	1151	27/03/2023	B1709578	Nguyễn Ngọc Lam Tường	10/03/1999	N	DI17Z6A1	Khoa học máy tính
26	DI	1151	27/03/2023	B1709594	Trần Minh Hoàng	08/02/1999		DI17Z6A2	Khoa học máy tính
27	DI	1151	27/03/2023	B1710356	Huỳnh Trịnh Tiến Vinh	18/10/1999		DI17Z6A1	Khoa học máy tính
28	DI	1151	27/03/2023	B1805618	Nguyễn Thị Kim Cúc	13/03/2000	N	DI1895A1	Hệ thống thông tin
29	DI	1151	27/03/2023	B1805682	Nguyễn Triệu Duy	25/02/2000		DI1895A2	Hệ thống thông tin
30	DI	1151	27/03/2023	B1805695	Lê Ngọc Linh	06/08/2000		DI1895A2	Hệ thống thông tin
31	DI	1151	27/03/2023	B1805780	Võ Trung Kiên	19/12/2000		DI1896A1	Kỹ thuật phần mềm
32	DI	1151	27/03/2023	B1805795	Nguyễn Minh Nhã	21/08/2000		DI1896A1	Kỹ thuật phần mềm
33	DI	1151	27/03/2023	B1805818	Ngô Tấn Thiệu	18/05/2000		DI1896A1	Kỹ thuật phần mềm

TT	Đơn vị	QĐ	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành
34	DI	1151	27/03/2023	B1805855	Trần Ngọc Hà	10/02/2000	N	DI1896A3	Kỹ thuật phần mềm
35	DI	1151	27/03/2023	B1805876	Huỳnh Trọng Khiêm	20/06/2000		DI1896A2	Kỹ thuật phần mềm
36	DI	1151	27/03/2023	B1805908	Trịnh Mạch Huy Phú	22/03/2000		DI1896A3	Kỹ thuật phần mềm
37	DI	1151	27/03/2023	B1807569	Nguyễn Thị Cẩm Linh	22/12/2000	N	DI18T9A1	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
38	DI	1151	27/03/2023	B1807608	Nguyễn Trọng Văn	24/07/2000		DI18T9A1	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
39	DI	1151	27/03/2023	B1807645	Phan Văn Vương Linh	28/10/2000		DI18T9A2	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
40	DI	1151	27/03/2023	B1809171	Diệp Xuân Quang	03/01/2000		DI18V7A1	Công nghệ thông tin
41	DI	1151	27/03/2023	B1809336	Nguyễn Công Đoàn Dự	27/10/2000		DI18V7A3	Công nghệ thông tin
42	DI	1151	27/03/2023	B1809415	Lê Thu Tiền	05/05/2000	N	DI18V7A5	Công nghệ thông tin
43	DI	1151	27/03/2023	B1809451	Lê Tấn Đức	12/12/1999		DI18V7A4	Công nghệ thông tin
44	DI	1151	27/03/2023	B1809457	Phan Thị Mỹ Hằng	18/01/2000	N	DI18V7A4	Công nghệ thông tin
45	DI	1151	27/03/2023	B1812266	Phạm Trung Hậu	14/04/2000		DI18Z6A1	Khoa học máy tính
46	DI	1151	27/03/2023	B1812356	Trương Thành Long	10/12/2000		DI18Z6A2	Khoa học máy tính
47	DI	1151	27/03/2023	B1812393	Cao Thanh Tuấn	05/11/2000		DI18Z6A2	Khoa học máy tính
48	DI	1151	27/03/2023	C1700026	Võ Thị Hồng Thư	06/06/1996	N	DI17V7A2	Công nghệ thông tin
49	FL	1152	27/03/2023	B1800981	Lê Thị Mỹ An	03/08/2000	N	FL18V1F1	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)
50	FL	1152	27/03/2023	B1808403	Trần Quốc Toàn	25/06/2000		FL18V1A2	Ngôn ngữ Anh
51	FL	1152	27/03/2023	B1808506	Nguyễn Chúc Phương	05/05/2000	N	FL18V1A2	Ngôn ngữ Anh
52	FL	1152	27/03/2023	B1812446	Nguyễn Trần Thanh Thảo	27/01/2000	N	FL18Z9A1	Ngôn ngữ Pháp
53	FL	1152	27/03/2023	C1900012	Lê Phương Nga	07/08/1997	N	FL19V1L1	Ngôn ngữ Anh
54	HG	1153	27/03/2023	B1510659	Phan Hoàng Liêm	16/04/1997		HG15U7A1	Kinh doanh nông nghiệp
55	HG	1153	27/03/2023	B1701632	Trương Hoàng Sơn	09/10/1999		HG1722A2	Quản trị kinh doanh
56	HG	1153	27/03/2023	B1709998	Trần Hoàng Huy	29/06/1999		HG17U7A1	Kinh doanh nông nghiệp
57	HG	1153	27/03/2023	B1802118	Trần Ngọc Cẩm	11/12/2000	N	HG1823A1	Kinh tế nông nghiệp
58	HG	1153	27/03/2023	B1807479	Bùi Minh Thái	31/10/2000		HG18T7A1	Kỹ thuật xây dựng
59	HG	1153	27/03/2023	B1807487	Ngô Minh Thông	10/07/2000		HG18T7A1	Kỹ thuật xây dựng
60	HG	1153	27/03/2023	B1808210	Trương Hoàng Kha	19/07/2000		HG18U7A1	Kinh doanh nông nghiệp
61	HG	1153	27/03/2023	B1808538	Nguyễn Mã Minh Đăng	07/12/2000		HG18V1A1	Ngôn ngữ Anh
62	HG	1153	27/03/2023	B1809605	Lê Công Lý	05/07/2000		HG18V7A1	Công nghệ thông tin
63	HG	1153	27/03/2023	B1902083	Đinh Nguyễn Minh Anh	28/02/2001	N	HG1922A1	Quản trị kinh doanh
64	HG	1153	27/03/2023	B1902135	Trần Thị Như Thủy	27/08/2001	N	HG1922A1	Quản trị kinh doanh
65	HG	1153	27/03/2023	B1902141	Nguyễn Thị Kiều Trang	22/12/2001	N	HG1922A1	Quản trị kinh doanh
66	HG	1153	27/03/2023	B1902157	Lê Nhất Bình	28/04/2001	N	HG1922A2	Quản trị kinh doanh
67	HG	1153	27/03/2023	B1902174	Lê An Khương	06/06/2001	N	HG1922A2	Quản trị kinh doanh
68	HG	1153	27/03/2023	B1904052	Sơn Ngọc Hải	27/03/2001		HG1963A1	Luật

TT	Đơn vị	QĐ	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành
69	HG	1153	27/03/2023	B1904086	Đào Phan Kim Quyên	05/12/2001	N	HG1963A1	Luật
70	HG	1153	27/03/2023	B1904114	Võ Lương Hoàng Bảo	29/04/2001		HG1963A2	Luật
71	HG	1153	27/03/2023	B1904178	Danh Tính	19/05/2001		HG1963A2	Luật
72	HG	1153	27/03/2023	B1912357	Võ Thị Ngọc Giàu	08/03/2001	N	HG19W8A1	Việt Nam học
73	HG	1153	27/03/2023	B1912413	Ngô Thị Tốt	10/09/2001	N	HG19W8A1	Việt Nam học
74	KH	1154	27/03/2023	B1804310	Trần Thị Hồng An	03/03/2000	N	KH1869A1	Hóa học
75	KH	1154	27/03/2023	B1804365	Trần Thị Thiên Nga	07/02/2000	N	KH1869A1	Hóa học
76	KH	1154	27/03/2023	B1804386	Lê Thúy Quỳnh	19/01/2000	N	KH1869A1	Hóa học
77	KH	1154	27/03/2023	B1804391	Nguyễn Ngọc Thanh	17/09/2000	N	KH1869A2	Hóa học
78	KH	1154	27/03/2023	B1804414	Đinh Lê Quế Trâm	27/09/2000	N	KH1869A2	Hóa học
79	KH	1154	27/03/2023	B1804416	Nguyễn Ngọc Bích Trâm	08/11/2000	N	KH1869A1	Hóa học
80	KH	1154	27/03/2023	B1804441	Thái Thảo Vy	18/07/2000	N	KH1869A2	Hóa học
81	KT	1155	27/03/2023	B1506900	Nguyễn Ngọc Phi Loan	20/10/1996	N	KT15V5A2	Kiểm toán
82	KT	1155	27/03/2023	B1507853	Trần Thị Phương Quyên	27/01/1997	N	KT15W3A2	Kinh doanh thương mại
83	KT	1155	27/03/2023	B1601851	Phan Thanh Nhã	26/11/1997		KT1623A1	Kinh tế nông nghiệp
84	KT	1155	27/03/2023	B1610839	Trần Ngọc Hân	23/03/1998	N	KT16W3A2	Kinh doanh thương mại
85	KT	1155	27/03/2023	B1701335	Bùi Đình Duy	05/06/1999		KT1721A2	Tài chính - Ngân hàng
86	KT	1155	27/03/2023	B1706205	Phạm Thị Minh Thư	25/04/1999	N	KT17V5A1	Kiểm toán
87	KT	1155	27/03/2023	B1707758	Nguyễn Bảo Nghi	11/11/1999	N	KT17W4F2	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)
88	KT	1155	27/03/2023	B1801569	Bùi Thị Tuyết Trinh	19/07/2000	N	KT1821A2	Tài chính - Ngân hàng
89	KT	1155	27/03/2023	B1801586	Lê Gia Bảo	22/04/2000	N	KT18W4F1	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)
90	KT	1155	27/03/2023	B1801654	Nguyễn Lâm Mỹ Quỳnh	15/11/2000	N	KT1822A1	Quản trị kinh doanh
91	KT	1155	27/03/2023	B1801752	Võ Thị Yến Nhi	13/05/2000	N	KT1822A2	Quản trị kinh doanh
92	KT	1155	27/03/2023	B1801820	Nguyễn Huy Hoàng	04/05/2000		KT1821A9	Tài chính - Ngân hàng
93	KT	1155	27/03/2023	B1802094	Trần Ngọc Trân	22/02/2000	N	KT1823A2	Kinh tế nông nghiệp
94	KT	1155	27/03/2023	B1808668	Phan Minh Hưng	22/08/2000		KT18W4F1	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)
95	KT	1155	27/03/2023	B1808777	Lê Xuân Khôi	21/09/2000		KT18V5A1	Kiểm toán
96	KT	1155	27/03/2023	B1808863	Bùi Trung Nhân	24/08/2000		KT18V5A2	Kiểm toán
97	KT	1155	27/03/2023	B1810535	Nguyễn Minh	14/10/2000		KT18W4A1	Kinh doanh quốc tế
98	KT	1155	27/03/2023	B1810661	Lương Hoàng Quỳnh Anh	10/04/2000	N	KT18W4F1	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)
99	KT	1155	27/03/2023	B1810673	Nguyễn Chí Dũng	09/11/2000		KT18W4F1	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)
100	KT	1155	27/03/2023	B1810709	Nguyễn Đặng Vân Ngọc	21/11/2000	N	KT18W4F1	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)
101	KT	1155	27/03/2023	B1810712	Trần Khánh Ngọc	15/12/2000	N	KT18W4F1	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)
102	KT	1155	27/03/2023	B1810739	Võ Đình Phương Thanh	17/04/2000	N	KT18W4F1	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)
103	KT	1155	27/03/2023	B1810747	Phan Đặng Anh Thư	22/03/2000	N	KT18W4F1	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)

TT	Đơn vị	QĐ	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành
104	KT	1155	27/03/2023	B1810756	Nguyễn Ngọc Quế Trâm	17/03/2000	N	KT18W4F3	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)
105	KT	1155	27/03/2023	B1810758	Trương Ngọc Trân	10/08/2000	N	KT18W4F1	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)
106	KT	1155	27/03/2023	B1812576	Nguyễn Thị Anh Thư	17/09/2000	N	KT1822A9	Quản trị kinh doanh
107	KT	1155	27/03/2023	B1901495	Huỳnh Thị Ngọc Hà	27/08/2001	N	KT1920A1	Kế toán
108	KT	1155	27/03/2023	B1901554	Lê Thị Trâm	26/06/2001	N	KT1920A1	Kế toán
109	KT	1155	27/03/2023	B1901562	Lê Thị Mộng Tường	16/02/2001	N	KT1920A1	Kế toán
110	KT	1155	27/03/2023	B1901679	Lê Hải Huy	04/05/2001		KT1921A1	Tài chính - Ngân hàng
111	KT	1155	27/03/2023	B1901790	Đào Như Nguyệt	23/01/2001	N	KT1921A2	Tài chính - Ngân hàng
112	KT	1155	27/03/2023	B1901812	Trần Anh Thư	27/10/2001	N	KT1921A2	Tài chính - Ngân hàng
113	KT	1155	27/03/2023	B1901972	Hồ Thị Bích Vy	22/01/2000	N	KT1922A3	Quản trị kinh doanh
114	KT	1155	27/03/2023	B1901998	Nguyễn Ngọc Trúc Hân	07/07/2001	N	KT1922A2	Quản trị kinh doanh
115	KT	1155	27/03/2023	B1902002	Mai Thị Ngọc Huyền	24/07/2001	N	KT1922A2	Quản trị kinh doanh
116	KT	1155	27/03/2023	B1902014	Huỳnh Giao Linh	21/05/2001	N	KT1922A2	Quản trị kinh doanh
117	KT	1155	27/03/2023	B1902018	Trần Nhựt Linh	16/05/2001	N	KT1922A2	Quản trị kinh doanh
118	KT	1155	27/03/2023	B1902050	Phạm Huỳnh Sỉ	14/09/2001		KT1922A3	Quản trị kinh doanh
119	KT	1155	27/03/2023	B1902053	Trần Thành Thắng	26/05/2001		KT1922A3	Quản trị kinh doanh
120	KT	1155	27/03/2023	B1902233	Nguyễn Quang Bảo	25/01/2001		KT1923A1	Kinh tế nông nghiệp
121	KT	1155	27/03/2023	B1902274	Nguyễn Thị Như Ngọc	06/10/2001	N	KT1923A1	Kinh tế nông nghiệp
122	KT	1155	27/03/2023	B1902307	Nguyễn Ngọc Anh Thư	25/08/2001	N	KT1923A1	Kinh tế nông nghiệp
123	KT	1155	27/03/2023	B1906152	Trần Thị Kim Thoa	13/10/2001	N	KT1990A1	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
124	KT	1155	27/03/2023	B1906232	Nguyễn Huỳnh Ngọc Yến	19/08/2001	N	KT1990A2	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
125	KT	1155	27/03/2023	B1909624	Nguyễn Đinh Hoàng Thế	30/08/2001		KT19V5A2	Kiểm toán
126	KT	1155	27/03/2023	B1910957	Trần Thị Huyền Trân	06/01/2001	N	KT19W1A1	Kinh tế
127	KT	1155	27/03/2023	B1910991	Trần Sơn Khê	06/05/2001		KT19W1A2	Kinh tế
128	KT	1155	27/03/2023	B1911063	Lâm Văn Quý Em	02/10/2001		KT19W2A1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
129	KT	1155	27/03/2023	B1911100	Lê Kim Ngân	20/01/2001	N	KT19W2A1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
130	KT	1155	27/03/2023	B1911114	Nguyễn Huỳnh Như	11/04/2001	N	KT19W2A1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
131	KT	1155	27/03/2023	B1911160	Nguyễn Thúy Vi	01/01/2001	N	KT19W2A3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
132	KT	1155	27/03/2023	B1911193	Nguyễn Thị Ngọc Hân	10/02/2001	N	KT19W2A2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
133	KT	1155	27/03/2023	B1911217	Lý Ái My	30/10/2001	N	KT19W2A2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
134	KT	1155	27/03/2023	B1911228	Nguyễn Lê Thái Nguyên	12/12/2001	N	KT19W2A2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
135	KT	1155	27/03/2023	B1911231	Thạch Hoàng Nhật	19/01/2001		KT19W2A2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
136	KT	1155	27/03/2023	B1911247	Nguyễn Kim Như Quỳnh	06/03/2001	N	KT19W2A2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
137	KT	1155	27/03/2023	B1911252	Thái Thị Bích Thảo	20/11/2001	N	KT19W2A3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
138	KT	1155	27/03/2023	B1911299	Trần Minh Dương	24/01/2001		KT19W3A1	Kinh doanh thương mại

TT	Đơn vị	QĐ	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành
139	KT	1155	27/03/2023	B1911353	Hà Thị Mỹ Trinh	24/12/2001	N	KT19W3A1	Kinh doanh thương mại
140	KT	1155	27/03/2023	B1911354	Nguyễn Thị Hồng Trúc	06/07/2001	N	KT19W3A1	Kinh doanh thương mại
141	KT	1155	27/03/2023	B1911363	Nguyễn Tường Vy	23/01/2001	N	KT19W3A1	Kinh doanh thương mại
142	KT	1155	27/03/2023	B1911372	Nguyễn Thảo Duy	19/09/2000	N	KT19W3A2	Kinh doanh thương mại
143	KT	1155	27/03/2023	B1911385	Nguyễn Kim Lựa	18/02/2001	N	KT19W3A2	Kinh doanh thương mại
144	KT	1155	27/03/2023	B1911415	Trịnh Thái Sơn Quỳnh	30/07/2001	N	KT19W3A2	Kinh doanh thương mại
145	KT	1155	27/03/2023	B1911462	Danh Hưởng	09/03/2001		KT19W4A1	Kinh doanh quốc tế
146	KT	1155	27/03/2023	B1911470	Phạm Yến Linh	01/06/2001	N	KT19W4A1	Kinh doanh quốc tế
147	KT	1155	27/03/2023	B1911478	Nguyễn Hoài Nam	24/07/2001		KT19W4A1	Kinh doanh quốc tế
148	KT	1155	27/03/2023	B1911486	Trần Thị Thanh Nhã	03/10/2001	N	KT19W4A1	Kinh doanh quốc tế
149	KT	1155	27/03/2023	B1911491	Nguyễn Huỳnh Như	09/10/2001	N	KT19W4A1	Kinh doanh quốc tế
150	KT	1155	27/03/2023	B1911551	Trần Thị Bích Liễu	13/11/2001	N	KT19W4A2	Kinh doanh quốc tế
151	KT	1155	27/03/2023	B1911561	Lưu Thị Nga	07/08/2001	N	KT19W4A2	Kinh doanh quốc tế
152	KT	1155	27/03/2023	B1911562	Bùi Triệu Ngân	15/12/2000	N	KT19W4A2	Kinh doanh quốc tế
153	KT	1155	27/03/2023	B1911592	Kim Thị Bé Trang	01/12/2001	N	KT19W4A2	Kinh doanh quốc tế
154	KT	1155	27/03/2023	S1900046	Lê Hùng Minh	04/02/1994		KT1921A1	Tài chính - Ngân hàng
155	LK	1156	27/03/2023	B1604716	Nguyễn Thanh Nhả	19/03/1997		LK1663A9	Luật
156	LK	1156	27/03/2023	B1702238	Phan Phú Nghĩa	11/01/1998		LK1765A2	Luật
157	LK	1156	27/03/2023	B1802607	Lâm Thị Thúy Vy	29/10/2000	N	LK1864A2	Luật
158	LK	1156	27/03/2023	B1802610	Bùi Tuấn Anh	26/06/1999		LK1865A1	Luật
159	LK	1156	27/03/2023	B1802617	Lê Thị Chiều	19/08/2000	N	LK1864A1	Luật
160	LK	1156	27/03/2023	B1802683	Nguyễn Trung Thành	12/10/2000		LK1864A1	Luật
161	LK	1156	27/03/2023	B1902892	Nguyễn Vũ Luân	16/07/2000		LK1965A2	Luật
162	LK	1156	27/03/2023	B1903128	Lê Ngọc Nhi	17/09/2001	N	LK1963A2	Luật
163	ML	1157	27/03/2023	B1707123	Thạch Hoàng Bảo Trân	18/10/1999	N	ML17V9A1	Chính trị học
164	MT	1158	27/03/2023	B1506806	Cao Ngọc Phương Linh	09/08/1997	N	MT15V4A2	Lâm sinh
165	MT	1158	27/03/2023	B1606467	Thị Mỹ Duyên	21/06/1998	N	MT16V4A1	Lâm sinh
166	MT	1158	27/03/2023	B1702920	Quách Yến Linh	01/02/1999	N	MT1757A1	Kỹ thuật môi trường
167	MT	1158	27/03/2023	B1702992	Lê Hoàng Duy Long	17/11/1999		MT1757A2	Kỹ thuật môi trường
168	MT	1158	27/03/2023	B1705416	Nguyễn Trọng Quyền	07/05/1999		MT17U2A1	Kỹ thuật tài nguyên nước
169	MT	1158	27/03/2023	B1803740	Nguyễn Minh Thông	06/08/2000		MT1857A2	Kỹ thuật môi trường
170	MT	1158	27/03/2023	B1803746	Phạm Minh Toàn	27/11/2000		MT1857A2	Kỹ thuật môi trường
171	MT	1158	27/03/2023	B1807763	Lưu Kim Phụng	01/02/2000	N	MT18U2A1	Kỹ thuật tài nguyên nước
172	MT	1158	27/03/2023	B1812947	Trần Quốc Tín	04/03/2000		MT18X7A2	Quản lý tài nguyên và môi trường
173	MT	1158	27/03/2023	B1902689	Nguyễn Trọng Nguyễn	08/08/2001		MT1925A2	Quản lý đất đai

TT	Đơn vị	QĐ	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành
174	MT	1158	27/03/2023	B1902719	Danh Hàng Quốc Toàn	25/08/2001		MT1925A2	Quản lý đất đai
175	NN	1159	27/03/2023	B1601167	Trương Hoàng Son	05/06/1998		NN1619A1	Nông học
176	NN	1159	27/03/2023	B1604050	Trần Thị Huyền Trang	14/04/1998	N	NN1667A1	Thú y
177	NN	1159	27/03/2023	B1701069	Bùi Nhật Thành	28/09/1999		NN1719A2	Nông học
178	NN	1159	27/03/2023	B1707010	Trần Thị Mỹ Duyên	13/12/1999	N	NN17V8A1	Sinh học ứng dụng
179	NN	1159	27/03/2023	B1800103	Chau So Khênh	13/10/1999		NN1873A1	Bảo vệ thực vật
180	NN	1159	27/03/2023	B1801119	Châu Minh Kha	03/08/2000		NN1819A1	Nông học
181	NN	1159	27/03/2023	B1804061	Nguyễn Cao Thùy Duyên	20/01/2000	N	NN1867A1	Thú y
182	NN	1159	27/03/2023	B1804068	Trương Thị Hương Giang	08/12/2000	N	NN1867A1	Thú y
183	NN	1159	27/03/2023	B1804071	Hồ Minh Hào	17/06/2000		NN1867A3	Thú y
184	NN	1159	27/03/2023	B1804095	Nguyễn Thăng Long	11/10/2000		NN1867A1	Thú y
185	NN	1159	27/03/2023	B1804120	Hồ Huỳnh Như	02/01/2000	N	NN1867A1	Thú y
186	NN	1159	27/03/2023	B1804158	Tiêu Ngọc Bảo Trân	20/12/2000	N	NN1867A3	Thú y
187	NN	1159	27/03/2023	B1804167	Huỳnh Thanh Tuyền	10/01/2000	N	NN1867A1	Thú y
188	NN	1159	27/03/2023	B1804190	Phan Khánh Duy	09/02/2000		NN1867A2	Thú y
189	NN	1159	27/03/2023	B1804217	Ngô Trọng Khánh	21/01/2000		NN1867A3	Thú y
190	NN	1159	27/03/2023	B1804261	Tăng Trần Minh Quân	16/01/2000		NN1867A2	Thú y
191	NN	1159	27/03/2023	B1804267	Võ Thanh Tâm	24/03/2000		NN1867A2	Thú y
192	NN	1159	27/03/2023	B1804478	Nguyễn Văn Duy	04/04/2000		NN1873A1	Bảo vệ thực vật
193	NN	1159	27/03/2023	B1804505	Nguyễn Thanh Long	06/02/2000		NN1873A1	Bảo vệ thực vật
194	NN	1159	27/03/2023	B1804615	Huỳnh Nhựt Tân	25/05/2000		NN1873A2	Bảo vệ thực vật
195	NN	1159	27/03/2023	B1804622	Trần Thị Mai Thi	27/09/2000	N	NN1873A2	Bảo vệ thực vật
196	NN	1159	27/03/2023	B1804670	Trần Lưu Tuấn Khang	11/05/2000		NN1873A3	Bảo vệ thực vật
197	NN	1159	27/03/2023	B1804672	Nguyễn Đăng Khoa	11/11/2000		NN1873A3	Bảo vệ thực vật
198	NN	1159	27/03/2023	B1804688	Võ Thị Kim Ngân	15/07/2000	N	NN1873A3	Bảo vệ thực vật
199	NN	1159	27/03/2023	B1805967	Nguyễn Đình Huy	02/01/2000		NN18S1A1	Chăn nuôi
200	NN	1159	27/03/2023	B1805999	Đoàn Điền Phú	28/04/2000		NN18S1A2	Chăn nuôi
201	NN	1159	27/03/2023	B1806047	Huỳnh Văn Đức	17/01/2000		NN18S1A2	Chăn nuôi
202	NN	1159	27/03/2023	B1806079	Phạm Thanh Nhàng	19/02/2000		NN18S1A2	Chăn nuôi
203	NN	1159	27/03/2023	B1806103	Trương Mai Tiên	07/11/2000	N	NN18S1A2	Chăn nuôi
204	NN	1159	27/03/2023	B1809808	Nguyễn Thị Diễm Sương	08/04/2000	N	NN18V8A1	Sinh học ứng dụng
205	NN	1159	27/03/2023	B1809849	Lê Nguyễn Thị Như Ý	07/12/2000	N	NN18V8A1	Sinh học ứng dụng
206	NN	1159	27/03/2023	B1811803	Phan Nhật Duy	05/09/2000		NN18X8A2	Khoa học cây trồng
207	NN	1159	27/03/2023	B1811890	Nguyễn Thu Phương	20/12/2000	N	NN18X9A1	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan
208	NN	1159	27/03/2023	B1812850	Nguyễn Phạm Ngọc Diệp	16/09/2000	N	NN18V8A1	Sinh học ứng dụng

TT	Đơn vị	QĐ	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành
209	NN	1159	27/03/2023	B1812955	Huỳnh Thị Kim An	25/11/2000	N	NN18X9A1	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan
210	NN	1159	27/03/2023	B1812956	Lăng Thị Mỹ Hạnh	13/11/2000	N	NN18X9A1	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan
211	NN	1159	27/03/2023	B1900160	Nguyễn Song Giang	26/02/2000		NN1973A2	Bảo vệ thực vật
212	NN	1159	27/03/2023	B1901393	Nguyễn Thanh Huy	02/02/2001		NN1919A1	Nông học
213	NN	1159	27/03/2023	B1905098	Võ Văn Hớn	22/10/2001		NN1973A1	Bảo vệ thực vật
214	NN	1159	27/03/2023	B1905195	Ngô Quốc Nam	26/07/2001		NN1973A2	Bảo vệ thực vật
215	NN	1159	27/03/2023	B1905227	Nguyễn Ngọc Trân	14/03/2001	N	NN1973A2	Bảo vệ thực vật
216	NN	1159	27/03/2023	B1905282	Trần Đào Trọng Nhân	03/01/2001		NN1973A3	Bảo vệ thực vật
217	NN	1159	27/03/2023	B1905306	Nguyễn Trương Nhựt Toàn	09/10/2001		NN1973A3	Bảo vệ thực vật
218	NN	1159	27/03/2023	B1906843	Đào Hoa Nhị	19/12/2001	N	NN19S1A1	Chăn nuôi
219	NN	1159	27/03/2023	C1900235	Đặng Thị Kim Ngân	15/06/1998	N	NN1967L1	Thú y
220	SP	1160	27/03/2023	B1406825	Châu Văn Trà	21/10/1996		SP1434A1	Sư phạm Vật lý
221	SP	1160	27/03/2023	B1800621	Lê Minh Đan	26/08/2000		SP1809A1	Sư phạm Hóa học
222	SP	1160	27/03/2023	B1808301	Lê Nguyễn Thúy Vy	16/03/2000	N	SP18U8A1	Sư phạm Tin học
223	TN	1161	27/03/2023	B1408769	Trần Công Hiếu	00/00/1993		TN1462A4	Kỹ thuật công trình xây dựng
224	TN	1161	27/03/2023	B1504275	Lê Anh Vy	23/07/1997		TN1561A1	Kỹ thuật điện, điện tử
225	TN	1161	27/03/2023	B1509746	Hoàng Ngọc Long	05/01/1997		TN15Z5A1	Kỹ thuật máy tính
226	TN	1161	27/03/2023	B1602861	Bùi Anh Đô	20/11/1998		TN1662A2	Kỹ thuật công trình xây dựng
227	TN	1161	27/03/2023	B1702620	Trần Minh Hiếu	17/03/1999		TN1784A1	Kỹ thuật cơ khí
228	TN	1161	27/03/2023	B1705008	Trần Minh Luận	22/09/1999		TN17T2A1	Kỹ thuật công trình xây dựng
229	TN	1161	27/03/2023	B1705144	Phạm Trọng Nhân	19/06/1999		TN17T2A2	Kỹ thuật công trình xây dựng
230	TN	1161	27/03/2023	B1705821	Trần Quốc Cường	01/02/1999		TN17U9A1	Kỹ thuật công trình thủy
231	TN	1161	27/03/2023	B1709020	Phan Thành Lộc	10/12/1999		TN17Y6A1	Kỹ thuật cơ - điện tử
232	TN	1161	27/03/2023	B1709033	Tô Lộc Phiên	03/08/1999		TN17Y6A1	Kỹ thuật cơ - điện tử
233	TN	1161	27/03/2023	B1709185	Nguyễn Lê Nhật Tiến	01/12/1999		TN17Y8A1	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
234	TN	1161	27/03/2023	B1709231	Huỳnh Thành Nam	19/08/1999		TN17Y8A2	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
235	TN	1161	27/03/2023	B1710101	Lâm Ngọc Quyên	10/03/1997	N	TN17V6F1	Công nghệ kỹ thuật hóa học (chương trình chất lượng cao)
236	TN	1161	27/03/2023	B1803278	Nguyễn Văn Vủ Luân	22/07/2000		TN1893A1	Kỹ thuật cơ khí
237	TN	1161	27/03/2023	B1803542	Triệu Hoài Nam	24/06/2000		TN1884A3	Kỹ thuật cơ khí
238	TN	1161	27/03/2023	B1803598	Trịnh Văn Tuấn	06/11/2000		TN1884A3	Kỹ thuật cơ khí
239	TN	1161	27/03/2023	B1805116	Lê Hồng Hạnh	05/08/2000	N	TN1883A1	Quản lý công nghiệp
240	TN	1161	27/03/2023	B1805235	Lương Văn Luân	15/06/2000		TN1883A3	Quản lý công nghiệp
241	TN	1161	27/03/2023	B1806266	Mai Chiêu Linh	01/01/1999		TN18S3A1	Kỹ thuật cơ điện tử
242	TN	1161	27/03/2023	B1806268	Nguyễn Quốc Long	13/08/2000		TN18S3A1	Kỹ thuật cơ điện tử
243	TN	1161	27/03/2023	B1806270	Nguyễn Tấn Lợi	10/05/2000		TN18S3A1	Kỹ thuật cơ điện tử

TT	Đơn vị	QĐ	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành
244	TN	1161	27/03/2023	B1806281	Huỳnh Trung Nhựt	01/01/2000		TN18S3A1	Kỹ thuật cơ điện tử
245	TN	1161	27/03/2023	B1806376	Trần Minh Quân	01/01/2000		TN18S3A2	Kỹ thuật cơ điện tử
246	TN	1161	27/03/2023	B1806441	Trần Bảo Long	28/12/2000		TN18T1A1	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
247	TN	1161	27/03/2023	B1806462	Trang Đình Thái	19/06/2000		TN18T1A1	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
248	TN	1161	27/03/2023	B1806463	Phạm Hữu Thắng	19/10/2000		TN18T1A1	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
249	TN	1161	27/03/2023	B1806623	Nguyễn Văn Hiếu	10/02/2000		TN18T4A1	Kỹ thuật vật liệu
250	TN	1161	27/03/2023	B1806634	Huỳnh Minh Khôi	17/04/2000		TN18T4A1	Kỹ thuật vật liệu
251	TN	1161	27/03/2023	B1806639	Nguyễn Hoàng Long	28/04/2000		TN18T4A1	Kỹ thuật vật liệu
252	TN	1161	27/03/2023	B1806648	Đoàn Thị Huỳnh Như	17/06/2000	N	TN18T4A1	Kỹ thuật vật liệu
253	TN	1161	27/03/2023	B1806652	Dương Vũ Phương	12/07/1999		TN18T4A1	Kỹ thuật vật liệu
254	TN	1161	27/03/2023	B1806663	Lê Văn Tiến	15/11/2000		TN18T4A1	Kỹ thuật vật liệu
255	TN	1161	27/03/2023	B1806681	Lương Hoài Bão	24/10/2000		TN18T5A1	Kỹ thuật điện
256	TN	1161	27/03/2023	B1806691	Tô Hải Đăng	02/01/2000		TN18T5F1	Kỹ thuật điện (chương trình chất lượng cao)
257	TN	1161	27/03/2023	B1806719	Trần Văn Mến	20/06/2000		TN18T5A1	Kỹ thuật điện
258	TN	1161	27/03/2023	B1806779	Phạm Hồng Xinh	15/06/2000		TN18T5A1	Kỹ thuật điện
259	TN	1161	27/03/2023	B1806794	Phạm Thái Điền	16/01/2000		TN18T5A2	Kỹ thuật điện
260	TN	1161	27/03/2023	B1806803	Biện Quốc Huy	16/08/2000		TN18T5A2	Kỹ thuật điện
261	TN	1161	27/03/2023	B1806872	Nguyễn Nhựt Trường	04/01/2000		TN18T5A2	Kỹ thuật điện
262	TN	1161	27/03/2023	B1806887	Lê Nguyễn Anh Tuấn	26/06/2000		TN18T5F1	Kỹ thuật điện (chương trình chất lượng cao)
263	TN	1161	27/03/2023	B1806901	Trần Hải Đăng	13/03/2000		TN18T6A1	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
264	TN	1161	27/03/2023	B1807020	Lê Thị Cẩm Tiên	29/07/2000	N	TN18T6A2	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
265	TN	1161	27/03/2023	B1807054	Trần Văn Duy	27/07/2000		TN18T7A1	Kỹ thuật xây dựng
266	TN	1161	27/03/2023	B1807060	Tống Văn Đạt	07/06/2000		TN18T7A3	Kỹ thuật xây dựng
267	TN	1161	27/03/2023	B1807063	Trần Hải Đăng	00/00/2000		TN18T7A1	Kỹ thuật xây dựng
268	TN	1161	27/03/2023	B1807100	Nguyễn Việt Khải	23/01/2000		TN18T7A1	Kỹ thuật xây dựng
269	TN	1161	27/03/2023	B1807115	Lâm Chí Linh	05/04/2000		TN18T7A1	Kỹ thuật xây dựng
270	TN	1161	27/03/2023	B1807152	Phan Trường Nhựt	15/03/2000		TN18T7A3	Kỹ thuật xây dựng
271	TN	1161	27/03/2023	B1807182	Phan Chí Thiện	10/03/2000		TN18T7A1	Kỹ thuật xây dựng
272	TN	1161	27/03/2023	B1807216	Huỳnh Hải An	19/12/2000		TN18T7A4	Kỹ thuật xây dựng
273	TN	1161	27/03/2023	B1807233	Đỗ Hữu Duy	02/04/2000		TN18T7A4	Kỹ thuật xây dựng
274	TN	1161	27/03/2023	B1807243	Phạm Thành Đạt	31/01/2000		TN18T7A4	Kỹ thuật xây dựng
275	TN	1161	27/03/2023	B1807257	Nguyễn Phúc Hậu	13/07/2000		TN18T7A4	Kỹ thuật xây dựng
276	TN	1161	27/03/2023	B1807280	Phạm Hoàng Khang	07/04/2000		TN18T7A4	Kỹ thuật xây dựng
277	TN	1161	27/03/2023	B1807288	Trần Tuấn Khoa	24/02/2000		TN18T7A2	Kỹ thuật xây dựng
278	TN	1161	27/03/2023	B1807306	Nguyễn Phúc Bảo Long	07/11/2000		TN18T7A2	Kỹ thuật xây dựng

TT	Đơn vị	QĐ	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành
279	TN	1161	27/03/2023	B1807373	La Duy Thức	02/05/2000		TN18T7A2	Kỹ thuật xây dựng
280	TN	1161	27/03/2023	B1808900	Trương Lê Thanh Bảo	10/10/2000		TN18V6A1	Công nghệ kỹ thuật hóa học
281	TN	1161	27/03/2023	B1808912	Võ Phát Đạt	26/09/2000		TN18V6A1	Công nghệ kỹ thuật hóa học
282	TN	1161	27/03/2023	B1808958	Võ Thị Hồng Phấn	18/10/2000	N	TN18V6A1	Công nghệ kỹ thuật hóa học
283	TN	1161	27/03/2023	B1809029	Trương Chánh Linh	29/08/2000		TN18V6A2	Công nghệ kỹ thuật hóa học
284	TN	1161	27/03/2023	B1809037	Lê Kim Ngân	22/10/2000	N	TN18V6A2	Công nghệ kỹ thuật hóa học
285	TN	1161	27/03/2023	B1809080	Võ Thanh Tín	17/10/2000		TN18V6F1	Công nghệ kỹ thuật hóa học (chương trình chất lượng cao)
286	TN	1161	27/03/2023	B1809097	Nguyễn Phi Long	02/02/2000		TN18V6F1	Công nghệ kỹ thuật hóa học (chương trình chất lượng cao)
287	TN	1161	27/03/2023	B1809099	Nguyễn Quốc Thắng	27/04/2000		TN18V6F1	Công nghệ kỹ thuật hóa học (chương trình chất lượng cao)
288	TN	1161	27/03/2023	B1811948	Lê Trần Đăng Khoa	14/01/2000		TN18Y8A1	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
289	TN	1161	27/03/2023	B1811983	Hà Chí Thành	27/09/2000		TN18Y8A3	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
290	TN	1161	27/03/2023	B1812042	Phan Hồng Khanh	27/10/2000		TN18Y8A3	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
291	TN	1161	27/03/2023	B1812092	Phùng Minh Triết	29/06/2000		TN18T5F1	Kỹ thuật điện (chương trình chất lượng cao)
292	TN	1161	27/03/2023	B1812170	Huỳnh Công Thịnh	24/01/2000		TN18Z5A1	Kỹ thuật máy tính
293	TN	1161	27/03/2023	B1812196	Tôn Hồng Đệ	01/08/2000		TN18Z5A2	Kỹ thuật máy tính
294	TN	1161	27/03/2023	B1812232	Trần Thanh Cao Quí	14/09/2000		TN18Z5A2	Kỹ thuật máy tính
295	TN	1161	27/03/2023	B1812702	Thạch Thái An	14/01/2000		TN18T6A3	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
296	TN	1161	27/03/2023	B1908023	Thái Trung Tình	25/01/2001		TN19T7A4	Kỹ thuật xây dựng
297	TN	1161	27/03/2023	B1909726	Nguyễn Hải Thạch	10/08/1999		TN19V6A3	Công nghệ kỹ thuật hóa học
298	TN	1161	27/03/2023	C1700075	Huỳnh Nhân Quyền	30/04/1996		TN17T2A3	Kỹ thuật công trình xây dựng
299	TS	1162	27/03/2023	B1800790	Hàn Chí Thiện	16/11/2000		TS1813A1	Nuôi trồng thủy sản
300	TS	1162	27/03/2023	B1800812	Võ Nhựt Trường	20/05/2000		TS1813A1	Nuôi trồng thủy sản
301	TS	1162	27/03/2023	B1800938	Hà Quang Thái	08/05/2000		TS1813T1	Nuôi trồng thủy sản (chương trình tiên tiến)
302	TS	1162	27/03/2023	B1800947	Lương Minh Thiện	18/12/2000		TS1813A3	Nuôi trồng thủy sản
303	TS	1162	27/03/2023	B1800959	Võ Minh Tiến	28/04/2000		TS1813A2	Nuôi trồng thủy sản
304	TS	1162	27/03/2023	B1800977	Nguyễn Hồng Vinh	10/04/2000		TS1813T1	Nuôi trồng thủy sản (chương trình tiên tiến)
305	TS	1162	27/03/2023	B1804787	Nguyễn Thị Yến Ly	28/05/2000	N	TS1876A1	Bệnh học thủy sản
306	TS	1162	27/03/2023	B1806170	Nguyễn Huy Nhã	07/07/2000		TS18S2A1	Quản lý thủy sản
307	TS	1162	27/03/2023	B1806193	Dương Ngọc Hương Tâm	28/07/2000	N	TS18S2A1	Quản lý thủy sản
308	TS	1162	27/03/2023	B1806215	Lê Thị Huế Trân	22/04/2000	N	TS18S2A1	Quản lý thủy sản
309	TS	1162	27/03/2023	B1900011	Huỳnh Nhật An	20/05/2000		TS1913A1	Nuôi trồng thủy sản
310	TS	1162	27/03/2023	B1900328	Dương Kiêm Hoàng Châu	28/04/2000	N	TS1982A1	Công nghệ chế biến thủy sản
311	TS	1162	27/03/2023	B1901096	Nguyễn Thị Thu Thảo	30/04/2001	N	TS1913A3	Nuôi trồng thủy sản
312	TS	1162	27/03/2023	B1901128	Trần Ngọc Tứ	11/09/2001		TS1913A3	Nuôi trồng thủy sản
313	TS	1162	27/03/2023	B1901135	Nguyễn Tân Vương	12/02/2001		TS1913A3	Nuôi trồng thủy sản

TT	Đơn vị	QĐ	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành
314	TS	1162	27/03/2023	B1901163	Ong Thùy Dương	02/07/2001	N	TS1913A2	Nuôi trồng thủy sản
315	TS	1162	27/03/2023	B1901177	Trần Minh Hiếu	11/01/2001		TS1913A2	Nuôi trồng thủy sản
316	TS	1162	27/03/2023	B1901183	Trần Văn Kha	30/04/2001		TS1913A2	Nuôi trồng thủy sản
317	TS	1162	27/03/2023	B1905582	Hồ Nguyễn Trúc Thy	08/01/2001	N	TS1982A1	Công nghệ chế biến thủy sản
318	TS	1162	27/03/2023	B1905614	Lê Nguyễn Trúc Anh	03/03/2001	N	TS1982A2	Công nghệ chế biến thủy sản
319	TS	1162	27/03/2023	B1905682	Nguyễn Ngọc Yến Phương	05/05/2001	N	TS1982A2	Công nghệ chế biến thủy sản
320	TS	1162	27/03/2023	B1905703	Võ Thị Bảo Trâm	01/05/2001	N	TS1982A2	Công nghệ chế biến thủy sản
321	TS	1162	27/03/2023	B1905725	Hồ Thị Huỳnh Ý	26/07/2001	N	TS1982A2	Công nghệ chế biến thủy sản
322	XH	1163	27/03/2023	B1707975	Trần Ngọc Huỳnh Giao	19/06/1999	N	XH17W8A1	Việt Nam học
323	XH	1163	27/03/2023	B1800035	Thạch Thị Thùy Dung	06/01/1999	N	XH18U4A2	Xã hội học
324	XH	1163	27/03/2023	B1804870	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	10/11/2000	N	XH1880A2	Thông tin - thư viện
325	XH	1163	27/03/2023	B1807937	Nguyễn Thanh Thảo	02/10/2000	N	XH18U4A1	Xã hội học
326	XH	1163	27/03/2023	B1810783	Nguyễn Kiều Duyên	08/01/2000	N	XH18W7A1	Văn học
327	XH	1163	27/03/2023	B1810872	Văng Thị Kiều Vân	31/01/2000	N	XH18W7A1	Văn học
328	XH	1163	27/03/2023	B1810912	Huỳnh Trúc My	25/07/2000	N	XH18W7A2	Văn học
329	XH	1163	27/03/2023	B1811134	Phạm Ngọc Mai	05/11/2000	N	XH18W8A2	Việt Nam học
330	XH	1163	27/03/2023	B1812626	Nguyễn Thị Mỹ Xuyên	21/11/2000	N	XH1880A1	Thông tin - thư viện
331	XH	1163	27/03/2023	B1812632	Lê Thị Lịnh	10/02/2000	N	XH1880A2	Thông tin - thư viện
332	XH	1163	27/03/2023	B1908586	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	12/01/2001	N	XH19U4A1	Xã hội học
333	XH	1163	27/03/2023	B1908600	Đinh Phương Linh	20/12/2001	N	XH19U4A1	Xã hội học
334	XH	1163	27/03/2023	B1908642	Phan Ngọc Trúc	09/06/2001	N	XH19U4A1	Xã hội học
335	XH	1163	27/03/2023	B1908699	Đặng Thị Anh Thư	24/09/2001	N	XH19U4A2	Xã hội học
336	XH	1163	27/03/2023	B1911945	Huỳnh Như	26/02/2001	N	XH19W7A2	Văn học
337	XH	1163	27/03/2023	B1911969	Trần Minh Thư	05/10/2001	N	XH19W7A2	Văn học
338	XH	1163	27/03/2023	B1912220	Nguyễn Minh Tấn	07/11/2001		XH19W8A2	Việt Nam học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ